



## QUAN ĐIỂM CỦA MINH MẠNG VỀ AN SINH XÃ HỘI VÀ VIỆC THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Lê Nho Minh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học An ninh Nhân dân

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 06/01/2020

Ngày nhận kết quả bình duyệt:  
08/10/2020

Ngày chấp nhận đăng:  
03/2022

### Title:

Minh Mang's views about social security and the implementation of social security in Vietnam at present

### Keywords:

Social security, Minh Mang, Vietnam

### Từ khóa:

An sinh xã hội, Minh Mạng, Việt Nam

### ABSTRACT

*In the reign of Minh Mang, strong influences from the historical context and policy of the imperial court left imprints and obtained many achievements in many fields such as administration reform, culture and education development, territorial unity and protection of national sovereignty. In particular, Minh Mang's views on social security awakened and was integrated into internal strength, which expressed love for the people respectfully and could be considered as contributions to the tradition of kindness of the nation. This article will focus on analyzing Minh Mang's views on social security, thereby contributing to providing information that may be useful for authorities to have the basis to plan and implement social security policies in the current period.*

### TÓM TẮT

*Dưới thời Minh Mạng, những tác động mạnh mẽ từ bối cảnh lịch sử và chính sách của triều đình đã để lại dấu ấn và đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực như cải cách hành chính, phát triển văn hoá giáo dục, thống nhất lãnh thổ và bảo vệ chủ quyền đất nước. Đặc biệt, quan điểm của Minh Mạng về “thân dân”, về “chăm lo đời sống để an dân” đã tích hợp thành sức mạnh nội lực, thể hiện một lòng yêu thương nhân dân đáng trân trọng và có thể được coi là những cống hiến vào truyền thống nhân ái của dân tộc. Bài viết tập trung phân tích quan điểm về an sinh xã hội của Minh Mạng, từ đó góp phần cung cấp thông tin có thể hữu ích cho cơ quan Nhà nước có cơ sở để hoạch định và thực hiện các chính sách an sinh xã hội trong giai đoạn hiện nay.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với các vấn đề khác của sự phát triển xã hội như chính trị, văn hoá, đạo đức, pháp luật,... thì việc thực hiện an sinh xã hội đóng vai trò quan trọng đến sự hưng thịnh của mỗi quốc gia dân tộc. Bởi lẽ, nó nhằm bảo đảm phân phối những thành quả của tăng trưởng kinh tế theo hướng công bằng, tiến bộ xã hội và hài hoà lợi ích giữa các

chủ thể, nhóm xã hội cũng như tạo sự đồng thuận xã hội, từ đó cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, chủ thể của quá trình phát triển.

Triều Nguyễn (1802 - 1945) là triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam, cho đến nay, luận công, tội về mặt chính trị của nhà Nguyễn, các nhà khoa học, nhà chính trị ở nước ta vẫn còn có

nhiều quan điểm trái ngược nhau, không nhất trí được. Trong bối cảnh đó, Minh Mạng (1791 - 1841) là một trong những vị tại vị khá lâu năm (1820 - 1840) trong triều đại nhà Nguyễn, nhưng khi đánh giá về ông, các nhà sử học Việt Nam vẫn có nhiều ý kiến khác nhau, đôi khi đối lập. Thế nhưng, trên phương diện chính trị, Minh Mạng được xem là vị vua Nho học, có thái độ thân dân, có những quan điểm thể hiện rõ về về an sinh xã hội, mặc dù nhận thức và thái độ chính trị của ông xét đến cùng vẫn còn đan xen mâu thuẫn. Do đó, đây là một quan điểm không thể bỏ qua khi nghiên cứu về an sinh xã hội trong lịch sử Việt Nam.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1 Nội dung quan điểm về an sinh xã hội của Minh Mạng

Cốt lõi quan điểm “thân dân” và an sinh xã hội của Minh Mạng thể hiện là vị trí và vai trò của dân; lợi ích của dân; rộng hơn là lợi ích của toàn dân tộc. Chính vì vậy, Minh Mạng xem việc đem lại lợi ích cho dân là trách nhiệm của người đứng đầu đất nước và là tương lai của dân tộc. Tương lai ấy chính là cội nguồn sức mạnh của dân tộc; một trong những nền tảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, phải chăm lo, đề cao vai trò sức mạnh của dân, chăm lo đời sống để an dân, bảo vệ dân. Ông đã đưa ra nhiều chính sách như khai khẩn đất hoang, giảm hoặc miễn thuế cho người dân, cứu trợ nhân dân bị thiên tai, thành lập các cơ sở dưỡng tế... để giúp nhân dân có thể an cư lạc nghiệp. Có thể tóm tắt quan điểm “thân dân” của Minh Mạng ở một số nội dung cơ bản sau đây:

#### **Thứ nhất, về vai trò và sức mạnh của dân**

Tư tưởng “lấy dân làm gốc”, về vai trò và sức mạnh của nhân dân được Minh Mạng thể hiện xuyên suốt trong giai đoạn trị vì đất nước. Mọi chỉ dụ của Minh Mạng đều hàm chứa nội dung này. Minh Mạng nhận thức rõ vai trò và sức mạnh của nhân dân. Ông cho rằng: “Dân là gốc nước”. Như vậy, trong quan điểm “thân dân” của mình, Minh Mạng đã xác định được hai mệnh đề cơ bản về “dân”. Đó là:

*Về vị trí của dân:* Dân là gốc nước. Có được dân yêu mến và tin theo thì mới giữ được ngôi vua và sự giàu sang lâu bền.

*Về sức mạnh của dân:* Yêu cái dân yêu thì không việc gì không thành; ghét cái dân ghét thì có thể đánh đổ được mọi kẻ thù và trở ngại.

Gộp hai mệnh đề đó lại, có thể nhận thấy rằng: “dân là gốc nước, bởi vậy phải yêu cái dân yêu và ghét cái dân ghét”. Minh Mạng dụ rằng: “Người làm chính trị không thể trái ý muốn của dân” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1966, tr. 6). Như vậy, đến Minh Mạng, tư tưởng lấy dân làm gốc được củng cố và nâng lên một bước phát triển mới. Chúng ta có thể thấy dấu ấn của Nho giáo trong cả hai mệnh đề mà chúng ta phân tích ở trên. Ngoài ra, chúng còn được xây dựng nên từ truyền thống “lấy dân làm gốc” trong lịch sử Việt Nam và từ thực tiễn xã hội đương thời. Trong trường hợp cụ thể này, mệnh đề “dân vi bang bản, bản cố bang ninh” của Khổng giáo được kế thừa, bổ sung và mở rộng. Chính vì thấy được vị trí và vai trò của nhân dân là rất lớn, nên ông cho rằng đã là người “thay trời chăn dân và giáo hóa dân” phải làm gương cho thiên hạ: “ta là vua của cả một nước, vẫn nghĩ sâu sắc rằng mình là gốc của phong hóa, phải làm gương cho thiên hạ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1966, tr. 11). Từ đó, Minh Mạng đã đưa ra nhiều tư tưởng về đạo làm vua, về mối quan hệ giữa vua quan với nhân dân để từ đó thiết lập được mối quan hệ gắn gũi giữa vua quan với nhân dân “vua tôi đồng lòng”.

#### **Thứ hai, về quyền và lợi ích của người dân; sự thương cảm đối với đời sống của dân**

Minh Mạng khẳng định: “Dân là gốc nước”, vì vậy, “phải yêu cái dân yêu, ghét cái dân ghét”. Minh Mạng đã nói rằng: “Người làm chính trị không thể làm trái ý muốn của dân” (Đỗ Bang, 1998, tr. 6). Minh Mạng đã nói về mối quan hệ giữa vua và dân như sau: “Ôi! Vua đối với dân cũng như cha hiền đối với đứa con trẻ vậy, chưa lạnh đã nghĩ đến áo mặc, chưa đói đã nghĩ đến cho ăn no, há lại đợi cho đến lúc khóc hu hu rồi mới cho ăn hay sao?” (Quốc sử quán triều

Nguyễn, 1972a, tr. 42). Và, liền ngay sau khi đưa ra tư tưởng trên, nhà vua đã chỉ thị giảm thuế vụ mùa cho dân. Như vậy: Lời nói đi đôi với việc làm. Đây là tư tưởng phản ánh rõ nét lập trường Nho giáo của Minh Mạng thông qua “triết lý hành động, hành đạo giúp đời”. Lê Sĩ Thắng từng nhận xét: “Người ta có thể chê trách Minh Mạng khi coi người làm vua là *cha* và nhân dân là *con trẻ*. Rõ ràng, sự so sánh như vậy thể hiện thái độ đứng trên nhìn xuống, coi thường quần chúng nhân dân. Nhưng, điều quan trọng hơn, cái phải trân trọng trong tư tưởng của Minh Mạng là lòng yêu thương lo lắng cho dân “chưa lạnh đã nghĩ đến áo mặc, chưa đói đã nghĩ đến cho ăn no” chứ không “đợi đến lúc khóc hu hu rồi mới cho ăn no”. Cái sâu sắc trong mệnh đề tư tưởng mà chúng ta đang nói tới nằm trong các từ “chưa”, “đã” và “đợi”. Với các mệnh đề đi liền với các từ trên, chúng ta đã gặp thái độ ân cần, chu đáo của người đứng đầu đất nước đối với nhân dân” (Lê Sĩ Thắng, 1997, tr. 99-100). Trên cơ sở xác định mối quan hệ giữa nhà vua và nhân dân như vậy, Minh Mạng đòi hỏi các quan lại thực sự và thường xuyên chăm lo cho dân, phải sửa mình và hối lỗi từ những công việc hằng ngày, phải hết lòng với chức vụ được giao, không nên dùng những lời suông sáo rỗng.

Trong tư tưởng và việc làm của Minh Mạng, ông có sự quan tâm đến những người nghèo khổ. Ông đã chuẩn y xóa nợ cho dân nghèo, lại đề ra chính sách khen thưởng nhằm khuyến khích người giàu có giúp đỡ người nghèo khó hoặc đốt giấy vay, xóa nợ cho họ. Tình yêu dân của Minh Mạng rất rộng lớn và đến với tất cả mọi người, người Kinh lẫn người miền núi, không phân biệt người Việt hay người Hoa trên đất Việt. Theo Minh Mạng, yêu thương dân mà để dân tổn thương, đói kém là không phải, không xứng đáng là người chăn dắt dân. Ở tất cả mọi nước, mọi thời đại, mọi chế độ xã hội có Nhà nước, trong cuộc sống của loài người bao giờ cũng tồn tại và phải giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của nhân dân. Về vấn đề này, Minh Mạng nói: “Trẫm tha để sự giàu có ở dân còn hơn” và “Nếu cứ ngồi nhìn dân kêu đói thì kho tàng chứa đầy để làm

gì?” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1964, tr. 270). Minh Mạng nhiều lần chỉ ra rằng nạn trộm cướp thường có nguyên nhân ở chỗ dân bị đói. Vì vậy, ông cũng chỉ ra rằng, muốn triệt nạn trộm cướp tận gốc, thì trước hết phải làm cho dân được no ấm. Để giảm bớt sự bần cùng và mọi khó khăn khác cho nhân dân, ông đã có nhiều chỉ dụ như: Giảm nhẹ thuế khóa; trợ cấp cho những vùng gặp thiên tai; giảm bớt số đặc sản mà địa phương phải dâng tiến; không trưng thu của dân dù là một vật phẩm nhỏ nhất cho việc tiêu dùng trong cung đình; không bắt dân lao động không công. Còn về vấn đề thuế khóa, ở một nước “lấy nghề nông là căn bản” như nước ta, thì thuế đinh và thuế điền được chú trọng hơn cả. Vì người và đất là tài sản rõ rệt nhất. Ông đã trừng phạt rất nghiêm khắc những quan lại, sai nha cướp đoạt tài sản của dân.

### ***Thứ ba, về chăm lo phát triển đời sống để an dân***

Vua Minh Mạng (1820 - 1840) khi lên ngôi, đã được thừa hưởng lớn lao những thành tựu mà vua Gia Long gây dựng, một lãnh thổ rộng nhất mà từ trước tới nay chúng ta có, từ ải Nam Quan cho tới mũi Cà Mau, một phần lãnh thổ nước Lào, một phần đất Campuchia. Đây là điểm thuận lợi nhưng cũng vô cùng khó khăn... Thuận lợi là đất nước được thống nhất, hòa bình không còn những cuộc chiến tranh đẫm máu. Nhưng đất nước rộng lớn cũng là khó khăn, ở nhiều nơi nhà nước chưa có điều kiện để tiến hành khai thác, nhiều nơi còn hoang vu chưa được khai phá, đòi hỏi Minh Mạng khi mới lên ngôi phải có những chính sách và biện pháp để khai thác những diện tích đất đai đó. Trong 20 năm cầm quyền, Minh Mạng đã làm được những điều to lớn. Ông tập trung sức lực trí tuệ của mình để phục hồi kinh tế và đời sống nhân dân, bắt đầu từ nông nghiệp, nông dân. Quan tâm đến việc làm ruộng của dân, trước hết phải mở rộng diện tích đất trồng lúa, cung cấp ruộng đất cho dân cày. Thực hiện chủ trương trên vua Minh Mạng đã ban hành chính sách khẩn hoang. Chính sách này, được thực hiện bằng các việc làm chủ yếu như: “Mộ dân khai hoang được nhà vua quan tâm và hỗ trợ rất nhiều, đây là hình thức mà chính

quyền thuê dân khai hoang, được trả tiền và gạo, sau đó được canh tác và được miễn thuế trong 6 năm; sử dụng lực lượng tù phạm, tù phạm ở đâu thì phát phối ở đó, hàng tháng mỗi người được cấp 5 tiền và một phượng gạo, để khai khẩn làm ăn dưới dạng binh dịch; đồn điền, dinh điền là một hình thức khai hoang có sự kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân. Nó vừa giải quyết được vấn đề nhân lực ở nông thôn, vừa chuyển các vùng đất hoang, đặc biệt là đất ở ven biển ven sông thành ruộng đồng làng xóm” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1972b, tr. 6). Như vậy, dưới triều vua Minh Mạng vấn đề khai hoang ruộng đất đã được nhà nước quan tâm một cách đặc biệt và có nhiều chính sách biện pháp tích cực về vấn đề này. Nhờ đó đã đạt được những kết quả khiến đời sau khâm phục.

#### ***Thứ tư, về trường trị tham quan, tề những nhiễu dân***

Tham nhũng thời Minh Mạng diễn ra khá phổ biến trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và biểu hiện với nhiều hình thức khác nhau. Tham nhũng thời nào cũng thường diễn ra mạnh mẽ trên lĩnh vực kinh tế. Những người có chức, có quyền trong hàng ngũ quan lại nhà nước phong kiến, quyền hành nắm trong tay thì dễ nảy sinh lòng tham mà lộng quyền dẫn đến tham nhũng. Thời Minh Mạng, tệ tham nhũng của các vị quan trong triều từ trung ương đến địa phương rất phổ biến. Một số vị quan lợi dụng các kẽ hở để lấy cắp, biển thủ công quỹ, vợ vét của công về làm của tư. Qua sử sách của Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, thấy nhiều trường hợp tham nhũng của quan lại như: quan coi kho ăn bớt của trong kho, ăn bớt thóc gạo, lấy cắp nguyên vật liệu trong xây dựng, nhận hối lộ của kẻ phạm tội...

Muốn chống tham nhũng có hiệu quả phải biết đâu là các hành vi tham nhũng để xét đúng người xử đúng tội. Bằng những biện pháp chống tham nhũng được quy định thành luật lệ, tiêu biểu là luật “Hồi ty”, Minh Mạng đã cải cách bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương,

với đội ngũ quan lại chặt chẽ nhằm hạn chế các khe hở tạo tham nhũng.

Đối với việc sử dụng quan lại, Minh Mạng hiểu sâu vai trò và vị trí của quan lại đối với đời sống của nhân dân. Ông đã ban nhiều chỉ dụ để quan lại phải hiểu và kịp thời, thường xuyên tâu trình để ông hiểu rõ dân tình; ông đòi hỏi họ phải làm tròn trách nhiệm của họ đối với an ninh và cuộc sống của nhân dân. Ông đã chỉ rõ bản chất của bọn quan lại tham nhũng và trong việc làm, ông đã trừng phạt hết sức nghiêm khắc những kẻ cậy quyền cậy thế ức hiếp nhân dân. Về bọn tham nhũng, ông nói: “Quan lại tham nhũng, là giặc sâu mọt của nhân dân, mà trộm cướp nổi lên cũng vì đó vậy. Đó là điều trẫm ghét cay ghét đắng. Dân địa phương này, sau khi gặp cơn rối loạn, không có chỗ nào đến tó cáo, chính là lúc phải biểu dương đến đức độ, phàm chăm lo cho dân, tất phải gia tâm về mặt kinh lý, khiến trộm cướp bị dẹp tan, dân được yên ổn, địa phương được ninh thiếp, để xứng với lòng ủy thác của trẫm” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1972a, tr. 69).

#### ***2.2 Quá trình thực hiện an sinh xã hội ở nước ta trong thời kỳ đổi mới***

Tiếp thu ý nghĩa giá trị từ quan điểm “thân dân”, về “chăm lo đời sống để an dân” của Minh Mạng, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và để lấy lại lòng tin của nhân dân, một thứ tài sản lớn nhất, quý nhất của một quốc gia. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011) đã khẳng định việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ công tác dân vận của Đảng. Do đó, công tác dân vận của Đảng phải thực sự phát huy dân chủ, vận động quần chúng nhân dân tham gia, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm công ăn việc làm, thực hiện xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; góp phần củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

quốc gia, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Cương lĩnh nêu rõ: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu và là động lực để phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật đảm bảo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr. 84-85).

Trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tích cực triển khai các chương trình, chính sách an sinh xã hội. Văn kiện Đại hội XII của Đảng khẳng định: “An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr. 238). Mô hình an sinh xã hội của Việt Nam đã tỏ rõ tính ưu việt và sự phù hợp với bối cảnh, điều kiện cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa của Việt Nam và đã đạt được những thành tựu nổi bật:

*Một là*, giải quyết việc làm, tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu người (giai đoạn 2010 - 2015), trong đó lao động ở nước ngoài khoảng 469 nghìn người. Lao động đã qua đào tạo đạt 51,6% (năm 2015), góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống 2,3% (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr. 238). Hệ thống Quỹ quốc gia Giải quyết việc làm từ Trung ương đến địa phương thực hiện cho vay bình quân khoảng 2.000 - 2.500 tỉ đồng/năm. Thông qua Quỹ này, giai đoạn 2012 - 2015 đã hỗ trợ tạo việc làm cho khoảng 400 nghìn lao động, góp phần khôi phục các ngành, nghề truyền thống, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình mở rộng sản xuất, thu hút tạo việc làm cho nhiều người lao động. Ngoài ra, hoạt động đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài cũng đạt được nhiều kết quả. Năm 2016, đã có 126.296 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Các phiên giao dịch việc làm, hệ thống thông tin thị trường lao động từng bước gắn kết người lao

động và người sử dụng lao động (Nguyễn Trọng Đàm, 19/02/2018).

*Hai là*, xoá đói giảm nghèo đạt kết quả tốt. Tính đến cuối năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo cả nước theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giảm 1,65%, từ 9,88% xuống 5,23%, tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo giảm 5,5% so với cuối năm 2015 (Nguyễn Trọng Đàm, 19/02/2018); chỉ số phát triển con người (HDI) tăng từ mức 0,683 (năm 2000) lên mức 0,728 (2011), xếp thứ 128/187 nước, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới; năm 2011, nước ta đã hoàn thành 6/8 nhóm mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) do Liên hợp quốc đề ra cho các nước đang phát triển đến năm 2015 (Vũ Văn Phúc, 2012, tr.137). Năm 2014, Việt Nam đẩy mạnh việc thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện tín dụng ưu đãi cho hàng trăm nghìn lượt hộ nghèo vay vốn với doanh số gần 10 nghìn tỉ đồng. Hiệu quả là tỷ lệ hộ nghèo cả nước và các huyện, xã nghèo giảm nhanh.

*Ba là*, hệ thống pháp luật bảo hiểm xã hội ngày càng được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. Hệ thống bảo hiểm xã hội được hoàn thiện với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ và trợ giúp thiết thực cho người tham gia bảo hiểm xã hội; Các phong trào “Tương thân, tương ái”, “Quỹ vì người nghèo”, “Đền ơn đáp nghĩa”... được tổ chức thường xuyên và thu hút sự hưởng ứng của nhiều lực lượng xã hội, đóng góp đáng kể vào việc nâng cao an sinh xã hội cho mọi người, nhất là người nghèo, vùng nghèo. Cụ thể: “Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tăng đều hằng năm, đến cuối năm 2016, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc chiếm 23,63% lực lượng lao động, số tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm 0,37% và số tham gia bảo hiểm thất nghiệp chiếm 20,5%. Số người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hằng tháng từ nguồn Quỹ Bảo hiểm xã hội tăng lên 2.521,1 nghìn người năm 2016 (chiếm 26,8% số người từ 55 tuổi trở lên đối với nữ, từ 60 tuổi trở lên đối với nam). Số đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề tăng, được giới thiệu việc làm đều tăng mạnh” (Bùi Sỹ Lợi, 10/02/2019).

Hiện nay, tất cả 63 tỉnh, thành phố thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng qua hệ thống bưu điện. Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã khẩn trương rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính, giảm số thủ tục, quy trình thao tác và số lượng hồ sơ, chỉ tiêu hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia. (Nguyễn Trọng Đàm, 19/02/2018).

*Bốn là*, chính sách ưu đãi đối với người có công không ngừng đảm bảo với 98,5% hộ có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư cùng địa bàn (Nguyễn Trọng Đàm, 19/02/2018). Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức và cộng đồng xã hội tích cực hưởng ứng, trở thành nét đẹp truyền thống của dân tộc với các hoạt động như tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa; xây dựng, sửa chữa nhà tình nghĩa; xây dựng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”; tặng vườn cây tình nghĩa, áo ấm tặng mẹ, áo lụa tặng bà; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng; chăm sóc thân nhân liệt sĩ, đỡ đần con thương binh, liệt sĩ.

*Năm là*, nguồn lực cho an sinh xã hội đạt mức độ xã hội hoá cao về tài chính và tổ chức thực hiện. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác.

Từ những số liệu, kết quả phân tích, đánh giá trên cho thấy Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng những bài học kinh nghiệm về “chăm lo đời sống để an dân” trong lịch sử nước nhà mà ở đó có quan điểm của Minh Mạng về an sinh xã hội góp phần cải thiện rõ nét đời sống của nhân dân, từ đó tạo ra sự phát triển nhân văn, nhân bản hơn trong nền kinh tế ở nước ta trong thời kỳ đổi mới.

Tuy nhiên, việc thực hiện an sinh xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, như công tác việc làm chưa bền vững, tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn và đô thị có xu hướng tăng; giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; diện hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên còn hẹp, mức chuẩn trợ cấp thấp; tỷ lệ bao phủ của chính sách hỗ trợ cũng

như mức trợ cấp thấp, chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước và các hình thức bảo hiểm chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người dân; chất lượng các dịch vụ nhìn chung còn thấp, vẫn xảy ra không ít những tiêu cực, phiền hà...

### **2.3 Bài học từ lịch sử đối với việc thực hiện an sinh xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay**

Từ thực tiễn của việc thực hiện an sinh xã hội trong thời gian qua, theo chúng tôi để nhận thức đúng đắn quan điểm về an sinh xã hội của Minh Mạng từ đó gợi mở một số bài học quý giá trong việc đề ra những chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về an sinh xã hội và giải quyết những vấn đề vấp phải trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, cần tiến hành một số giải pháp sau:

*Một là*, trong mọi hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn phải quán triệt bài học “lấy dân làm gốc”. Tư tưởng này trở thành bài học to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986), Đảng ta khẳng định: “... trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Bài học ấy đã trở thành phương châm hành động, thành mục tiêu và là một đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đang phấn đấu xây dựng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.1-10). Do đó, phải hết sức phục vụ nhân dân. Lo cho dân phải lo từng cái ăn, cái mặc. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm dù có tốn kém bao nhiêu cũng được. Nghiêm trị những kẻ tham quan sách nhiễu dân chúng.

*Hai là*, Đảng Cộng sản Việt Nam đang lãnh đạo toàn dân tiến hành công cuộc cải cách, đổi mới toàn diện đất nước nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Để đạt được mục tiêu ấy, không chỉ cần một Đảng

lãnh đạo sáng suốt, một bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả, một khối đại đoàn kết toàn dân quyết tâm theo đuổi mục tiêu mà còn cần đảm bảo đạt mức tăng trưởng kinh tế cao để tạo cơ sở vật chất thực hiện an sinh xã hội công bằng. Không thể có an sinh xã hội khoa học trong nền kinh tế ở trình độ phát triển thấp kém (suy thoái, thiếu hụt, khủng hoảng...) và người dân còn nhiều vấn đề phải lo toan về những nhu cầu cơ bản hàng ngày của cuộc sống (như ăn, mặc, ở, đi lại, được chăm sóc sức khỏe, được giáo dục cơ bản và được hưởng thụ các dịch vụ cần thiết khác). Nếu không có tăng trưởng kinh tế thì không thể có công bằng xã hội lâu dài và vì vậy không thể phát triển bền vững được. Giải quyết nhiệm vụ này, việc khảo cứu lại các chính sách phát triển kinh tế dưới triều Nguyễn, đặc biệt là triều vua Minh Mạng sẽ góp một phần nhỏ cho việc tham khảo, tổng kết kinh nghiệm để phát triển kinh tế ở Việt Nam vốn xem nông nghiệp là thế mạnh.

*Ba là*, để quản lý tốt xã hội, ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn tham nhũng đã và đang trở thành vấn nạn trong xã hội hiện nay. Đặc biệt, với tình hình nước ta ngày nay đang phát triển theo xu hướng khu vực hóa, toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường đi đôi với xã hội ấy là tệ nạn tham nhũng đã được báo động như một quốc nạn. Nên việc nghiên cứu, vận dụng các biện pháp chống tham nhũng thời xưa nhằm rút ra những bài học cho công tác chống tham nhũng ngày nay là rất cần thiết. Muốn làm được như vậy cần phải xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và thống nhất. Pháp luật phải kết hợp cả sự nghiêm khắc và sự khoan dung. Đại hội đại biểu toàn quốc lần X của Đảng khẳng định: “Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, tr. 45). Thực tiễn đã chỉ ra rằng: “những người gian lận có nhiều cơ hội thắng tiền hơn trong cuộc sống, vì vậy cần phải đưa nội dung chống tham nhũng vào trong hệ thống chính sách thực hiện an sinh xã hội” (Hà Hồng Hà, 2017, tr. 67).

*Bốn là*, trong hoạch định chính sách an sinh xã hội vĩ mô phải giải quyết từng bước, vững chắc, đồng bộ cả hai mục tiêu tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội. Nâng cao hiệu quả chính sách vĩ mô để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, Chính phủ cần phải lựa chọn mô hình thực hiện an sinh xã hội phù hợp, tránh việc thực hiện các chính sách đầu tư lệch lạc, quá ưu tiên khu vực, ngành này mà xem nhẹ các ngành, các khu vực khác, nhất là khu vực nông thôn và nông nghiệp sẽ làm cho nền kinh tế phát triển mất cân đối, gây hiểm họa cho việc phát triển dài hạn. Do đó, nhà nước phải có chính sách rút ngắn khoảng cách nông thôn với thành thị, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, thu hẹp sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị nhằm giảm bớt tình trạng bất bình đẳng xã hội thông qua một cơ chế tái phân phối phần của cải được tạo ra để đảm bảo hài hòa về xã hội.

*Năm là*, phát huy vai trò năng động, sáng tạo, bản lĩnh của nhà nước trong việc xây dựng chính sách thực hiện tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội, đào tạo và sử dụng những cán bộ quản lý có năng lực, được trả lương cao, không bị chi phối bởi các nhóm áp lực chính trị và được trao quyền để thực hiện những sáng kiến. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực của đội ngũ hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trung và dài hạn.

### 3. KẾT LUẬN

Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” khi mà dưới tác động của nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập đã bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác thực hiện chính sách an sinh xã hội trong thời gian qua. Xu thế lịch sử là không thể đảo ngược. Song, những bài học do quá khứ để lại, trong đó có bài học về thực hiện chính sách an sinh xã hội như là những tiền đề thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước, về ổn định chính trị... Những bài học từ quá khứ dù còn nhiều hạn chế nhưng cũng đã “gợi mở cho chúng ta nhiều suy nghĩ về mối quan hệ giữa truyền thống và

hiện đại, giữa cái đã qua và cái đang đến trong một dòng chảy lịch sử không phân chia” (Trương Văn Chung; Doãn Chính, 2008, tr.40). Do đó, phải biết “đãi cát tìm vàng”, “gạn đục khơi trong” trong kho tàng lịch sử tư tưởng nước nhà, đặc biệt là quan điểm “thân dân”, về “chăm lo đời sống để an dân” của Minh Mạng là rất cần thiết. Dù đây không phải là cái mới trong tư tưởng Việt Nam nhưng đó là một sự kế thừa - một phương pháp trị nước nối tiếp các thế hệ trước và gợi mở ra nhiều hướng đi mới cho các giai đoạn tiếp theo để tìm ra sức mạnh và bản lĩnh của dân tộc ta “chẳng phải ở đâu, mà chính từ trong quá khứ của mình” (Lê Sỹ Thắng, 1997, tr.9).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Sỹ Lợi. (10/02/2019). *Giải pháp hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế*. Truy cập từ: <http://tapchitaichinh.vn/bao-hiem/giai-phap-hoan-thien-chinh-sach-bao-hiem-xa-hoi-bao-hiem-y-te-302885.html>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đỗ Bang. (1998). *Khảo cứu kinh tế và tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn những vấn đề đặt ra hiện nay*. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hoá.
- Hà Hồng Hà. (2017). *Tham nhũng, mưu mô và trù dập phạt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Lê Sỹ Thắng. (1997). *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*. t.2. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Trọng Đàm. (19/02/2018). *Đẩy mạnh chính sách an sinh xã hội bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay*. Truy cập từ: <http://tapchikhxh.vass.gov.vn/day-manh-chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-bao-dam-tien-bo-va-cong-bang-xa-hoi-o-nuoc-ta-hien-nay-n50093.html>.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1964). *Đại Nam thực lục chính biên*. t.7. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1966). *Đại Nam thực lục chính biên*. t.17. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1972a). *Minh Mệnh Chính Yếu*. t.3. Hà Nội: Nhà xuất bản Bộ văn hóa giáo dục và Thanh Niên.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1972b). *Minh Mệnh Chính Yếu*. t.4. Hà Nội: Nhà xuất bản Bộ văn hóa giáo dục và Thanh Niên.
- Trương Văn Chung; Doãn Chính. (2008). *Tư tưởng Việt Nam thời Lý - Trần*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Vũ Văn Phúc. (2012). *An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020*. Hà Nội : Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.